

Số: *AJ* /2015/QĐ-UBND

Nha Trang, ngày 26 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện
Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Khánh Hòa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ Về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 29/TTr-SCT ngày 29/7/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 29/2011/QĐ-UBND ngày 25/10/2011 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Khánh Hòa.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, doanh nghiệp có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Bộ Công Thương;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo Khánh Hòa;
- Đài PT-TH Khánh Hòa;
- Lưu: VP, HB, HP. 40

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Sơn Hải
Trần Sơn Hải

QUY CHẾ

Xây dựng, quản lý và thực hiện

Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Khánh Hòa

(Ban hành kèm theo Quyết định số *M* /2015/QĐ-UBND

ngày 26 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Khánh Hòa (dưới đây gọi tắt là Chương trình).

2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình, đề án (dưới đây gọi tắt là đơn vị chủ trì), các đơn vị tham gia thực hiện Chương trình, đề án (dưới đây gọi tắt là đơn vị thực hiện), cơ quan quản lý Chương trình và cơ quan cấp kinh phí hỗ trợ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Khánh Hòa là tập hợp các đề án xúc tiến thương mại được xây dựng theo định hướng phát triển hàng hoá phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu, được Nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Đề án xúc tiến thương mại là đề án được lập để triển khai một hoặc một số nội dung hoạt động xúc tiến thương mại; có mục tiêu và đối tượng thụ hưởng cụ thể, có thời gian và kinh phí xác định.

Điều 3. Mục tiêu của Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Khánh Hòa

Mục tiêu của Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Khánh Hòa là nhằm tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường trong và ngoài nước, đặc biệt là thị trường nông thôn, đẩy mạnh xuất khẩu; phát triển thương mại miền núi, biên giới và hải đảo; xây dựng cơ sở vật chất phục vụ hoạt động xúc tiến thương mại; góp phần nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình

1. Đơn vị chủ trì bao gồm: Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại trực thuộc Sở Công Thương, các Hiệp hội, Hội doanh nghiệp, Liên minh Hợp

tác xã tình và các đơn vị được giao chức năng, nhiệm vụ xúc tiến thương mại có Đề án xúc tiến thương mại đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu và tiêu chí quy định tại Quy chế này và được Giám đốc Sở Công Thương phê duyệt.

2. Đơn vị chủ trì phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Có tư cách pháp nhân;
- b) Có khả năng huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện Chương trình;
- c) Có kinh nghiệm, năng lực trong việc tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại; nắm rõ các quy định về xúc tiến thương mại;
- d) Có kế hoạch phát triển ngành hàng cụ thể của địa phương;
- đ) Nắm rõ nhu cầu xúc tiến thương mại của doanh nghiệp;
- e) Thực hiện Chương trình nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng doanh nghiệp trong tỉnh không vì mục đích lợi nhuận;
- g) Có đầy đủ hồ sơ đề xuất Chương trình theo đúng quy định và được Sở Công Thương thẩm định, phê duyệt.

3. Các đơn vị chủ trì được tiếp nhận kinh phí hỗ trợ theo quy định của Quy chế này để triển khai thực hiện Đề án và có trách nhiệm quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình

1. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình bao gồm: Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh cá thể (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp) trực tiếp thực hiện nội dung các đề án được hỗ trợ kinh phí thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

2. Các doanh nghiệp tham gia thực hiện Chương trình phải đảm bảo đủ các điều kiện sau:

- a) Hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- b) Có văn bản đề nghị tham gia Đề án gửi đến đơn vị chủ trì Đề án trong thời hạn quy định của Đề án (nếu có);

Điều 6. Cơ quan quản lý nhà nước về Chương trình

Sở Công Thương là cơ quan được UBND tỉnh Khánh Hòa giao trách nhiệm quản lý Chương trình, chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương phổ biến định hướng phát triển xuất khẩu, thị trường trong nước và thương mại miền núi, hải đảo theo chiến lược, quy hoạch và các đề án phát triển ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hướng dẫn việc xây dựng các đề án theo quy định tại Quy chế này và theo các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Đánh giá, thẩm định, phê duyệt đề án để tổng hợp xây dựng nội dung và tổng kinh phí Chương trình. Tiếp nhận và quản lý kinh phí cho hoạt động xúc tiến thương mại địa phương.

4. Tổng hợp, đánh giá kết quả, báo cáo Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa và các cơ quan liên quan về tình hình thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Khánh Hòa.

5. Quy định tiêu chí đối với các đề án phù hợp mục tiêu, yêu cầu của Chương trình xúc tiến thương mại.

6. Tổ chức triển khai, giám sát, kiểm tra việc thực hiện các đề án thuộc Chương trình.

7. Các phòng và đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở: Phòng Quản lý Thương mại, Phòng Kế hoạch Tài chính, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại giúp Giám đốc Sở quản lý, triển khai thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình

1. Kinh phí thực hiện Chương trình do đơn vị tham gia đóng góp và được Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí thông qua đơn vị chủ trì.

2. Các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Nguồn kinh phí hỗ trợ các đề án thuộc Chương trình xúc tiến thương mại từ ngân sách tỉnh giao về Sở Công Thương trong dự toán chi ngân sách hàng năm. Nếu nguồn kinh phí do ngân sách cấp chưa sử dụng hết trong năm kế hoạch thì sẽ bị hủy.

Chương II

XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VÀ HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

Điều 8. Xây dựng đề án xúc tiến thương mại

1. Đơn vị chủ trì đề án gửi Đăng ký tổ chức thực hiện đề án (theo mẫu Phụ lục 1 đính kèm Quy chế này) đến Sở Công Thương trước ngày 01 tháng 7 hàng năm để thẩm định, phê duyệt theo quy định.

2. Các đề án xúc tiến thương mại phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp;
- b) Phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế của địa phương;
- c) Phù hợp với nội dung Chương trình quy định tại Điều 11 của Quy chế này;
- d) Đảm bảo tính khả thi về phương thức triển khai; thời gian, tiến độ triển khai; nguồn nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất kỹ thuật;

3. Sở Công Thương chịu trách nhiệm công bố công khai nội dung của Chương trình xúc tiến thương mại đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trên website của Sở Công Thương để các đơn vị biết, đăng ký tham gia.

Điều 9. Thẩm định, phê duyệt đề án

Sở Công Thương đánh giá, thẩm định từng đề án theo các quy định của Quy chế này và tổng hợp các nội dung, kinh phí của từng đề án để hình thành tổng kinh

phí thực hiện Chương trình, gửi Sở Tài chính để xem xét tổng hợp, đưa vào cân đối chung của kế hoạch ngân sách hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 10. Quản lý kinh phí xúc tiến thương mại

1. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nội dung và kinh phí Chương trình, Sở Công Thương tiếp nhận kinh phí xúc tiến thương mại địa phương để triển khai thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại đã được phê duyệt theo quy định. Tổng kinh phí hỗ trợ thực hiện Chương trình không vượt quá dự toán được phê duyệt.

2. Sở Tài chính căn cứ theo quy định hiện hành kiểm tra, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình quản lý sử dụng, quyết toán kinh phí hỗ trợ, kế hoạch cân đối nguồn kinh phí xúc tiến thương mại hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 11. Phạm vi và mức hỗ trợ kinh phí đối với Chương trình Xúc tiến thương mại định hướng xuất khẩu

1. Chi hỗ trợ tuyên truyền xuất khẩu: Nhà nước hỗ trợ chi phí quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng như: báo, đài truyền hình ... trên địa bàn tỉnh thâm nhập thị trường nước ngoài như sau:

- Đối với đơn vị chủ trì (Sở Công Thương, Trung tâm khuyến công và Xúc tiến thương mại, Liên minh Hợp tác xã) hỗ trợ 100% chi phí.

- Đối với các Hiệp hội, Hội doanh nghiệp và các đơn vị khác ... hỗ trợ 70% chi phí.

2. Tổ chức hội thảo hoặc thuê chuyên gia trong và ngoài nước để tư vấn phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển xuất khẩu, thâm nhập thị trường nước ngoài đối với sản phẩm của tỉnh”: Nhà nước hỗ trợ 100% chi phí thuê giảng viên, thuê và trang trí hội trường, in ấn tài liệu, nước uống, chi phí phiên dịch, biên dịch (nếu có), các chi phí quản lý khác có liên quan.

3. Chi hỗ trợ tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm thương mại tại nước ngoài:

a) Đối với Đơn vị chủ trì: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

- Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;

- Trang trí chung của khu vực Việt Nam (bao gồm cả gian hàng quốc gia nếu có);

- Chi phí tổ chức khai mạc (nếu là hội chợ triển lãm riêng của Việt Nam): Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;

- Tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, trang thiết bị, trang trí, âm thanh, ánh sáng, phiên dịch, an ninh, lễ tân, nước uống, tài liệu, diễn giả;

- Trình diễn sản phẩm: Thuê địa điểm, thiết kế và trang trí sân khấu, âm thanh, ánh sáng, trang thiết bị, người trình diễn, người dẫn chương trình, phiên dịch;

- Công tác phí cho cán bộ tổ chức Chương trình;

- Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 200 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

b) Đối với cơ sở sản xuất, doanh nghiệp có sản phẩm được sản xuất, chế biến trên địa bàn tỉnh tham gia: Nhà nước hỗ trợ 50% chi phí thuê gian hàng. Mức hỗ trợ tối đa cho mỗi doanh nghiệp tham gia không quá 02 gian hàng tiêu chuẩn (3m x 3m) hoặc đất trống không quá 16 triệu đồng/doanh nghiệp.

4. Tổ chức đoàn doanh nghiệp của tỉnh khảo sát thị trường, giao dịch thương mại ở nước ngoài:

a) Đối với đơn vị chủ trì: Nhà nước hỗ trợ 100% chi phí vé xe, vé máy bay (nếu đi nước ngoài), chi phí tổ chức hội thảo và gặp gỡ giao dịch thương mại; chi phí tuyên truyền, quảng bá; công tác phí cho cán bộ của Đoàn chủ trì (bao gồm cán bộ cơ quan quản lý nhà nước về Chương trình nhưng không quá 03 người).

b) Đối với các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp tham gia: Nhà nước hỗ trợ 50% tiền vé đi lại cho 01 người/doanh nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa không quá 6.000.000 đồng/đơn vị tham gia.

Điều 12. Phạm vi và mức hỗ trợ kinh phí đối với Chương trình Xúc tiến thương mại thị trường trong nước

1. Tổ chức hội chợ - triển lãm tổng hợp do các tổ chức có chức năng xúc tiến thương mại tổ chức trên địa bàn tỉnh: Về nguyên tắc, Đơn vị chủ trì tổ chức Hội chợ thực hiện theo chủ trương xã hội hóa (lấy thu bù chi), Nhà nước chỉ hỗ trợ 50% chi phí thuê gian hàng cho các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp có sản phẩm được sản xuất, chế biến trên địa bàn tỉnh tham gia hội chợ, triển lãm.

2. Tham gia hội chợ, triển lãm trong tỉnh, ngoài tỉnh:

a) Đối với Đơn vị chủ trì: Nhà nước hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng triển lãm chung, chi phí trang trí, chi phí vận chuyển, chi phí bảo vệ, công tác phí cho cán bộ của Đoàn chủ trì (bao gồm cán bộ cơ quan quản lý nhà nước về Chương trình nhưng không quá 04 người); tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm (nếu có).

b) Đối với cơ sở sản xuất, doanh nghiệp có sản phẩm được sản xuất, chế biến trên địa bàn tỉnh tham gia: Nhà nước hỗ trợ 50% chi phí thuê gian hàng. Mức hỗ trợ tối đa cho mỗi doanh nghiệp tham gia không quá 02 gian hàng tiêu chuẩn (3m x 3m) hoặc đất trống và không quá 8.000.000 đồng/doanh nghiệp.

3. Tổ chức các hoạt động bán hàng, thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, các khu công nghiệp, khu đô thị thông qua các doanh nghiệp:

a) Đối với đơn vị chủ trì: Nhà nước hỗ trợ 100% các chi phí tổ chức thực hiện chương trình, gồm các khoản chi phí:

- Chi phí thuê mặt bằng, dàn dựng quầy hàng;
- Dịch vụ phục vụ: điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ;
- Trang trí chung của khu vực tổ chức hoạt động bán hàng;

- Tổ chức khai mạc: giấy mời, đón tiếp, trang trí, văn nghệ, âm thanh, ánh sáng;
- Chi phí quản lý, nhân công phục vụ;
- Chi phí tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu việc tổ chức hoạt động bán hàng;
- Các khoản chi phí hợp lý khác;

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này không quá 60.000.000 đồng/đợt bán hàng.

b) Đối với các đơn vị tham gia: Nhà nước hỗ trợ 100% chi phí vận chuyển hàng hóa và trang thiết bị. Mức hỗ trợ tối đa không quá 2.000.000 đồng/doanh nghiệp/đợt bán hàng.

4. Tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại thị trường trong tỉnh:

Đơn vị chủ trì được Nhà nước hỗ trợ 100% các chi phí tổ chức thực hiện chương trình. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50.000.000 đồng/sự kiện.

5. Tổ chức đoàn doanh nghiệp của tỉnh khảo sát thị trường, giao dịch thương mại ở trong nước:

a) Đối với đơn vị chủ trì: Nhà nước hỗ trợ 100% chi phí vé xe, vé máy bay (nếu đi nước ngoài), chi phí tổ chức hội thảo và gặp gỡ giao dịch thương mại; chi phí tuyên truyền, quảng bá; công tác phí cho cán bộ của Đoàn chủ trì (bao gồm cán bộ cơ quan quản lý nhà nước về Chương trình nhưng không quá 03 người).

b) Đối với các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp tham gia: Nhà nước hỗ trợ 50% tiền vé đi lại cho 01 người/doanh nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa không quá 6.000.000 đồng/đơn vị tham gia.

6. Tổ chức tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực và kỹ năng kinh doanh cho các doanh nghiệp của tỉnh: Nhà nước hỗ trợ 100% chi phí thuê giảng viên, thuê và trang trí hội trường, in ấn tài liệu, nước uống, các chi phí quản lý khác liên quan.

7. Tổ chức hội thảo hoặc thuê chuyên gia trong nước, ngoài nước tư vấn tiêu thụ sản phẩm của tỉnh: Nhà nước hỗ trợ 100% chi phí thuê giảng viên, thuê và trang trí hội trường, in ấn tài liệu, nước uống, chi phí phiên dịch, biên dịch (nếu có), các chi phí quản lý khác có liên quan.

8. Nhà nước hỗ trợ cho Đơn vị chủ trì 100% chi phí quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng như: báo, đài truyền hình, website, in ấn tài liệu giới thiệu sản phẩm...nhằm hỗ trợ sản phẩm được sản xuất, chế biến trên địa bàn tỉnh.

9. Xây dựng và ứng dụng quy trình thương mại điện tử cho cộng đồng các doanh nghiệp của tỉnh: Nhà nước hỗ trợ Đơn vị chủ trì 100% chi phí tổ chức xây dựng quy trình và vận động triển khai.

10. Nhà nước hỗ trợ 100% chi phí cho công tác điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, thiết yếu; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại; quản lý,

vận hành cơ sở hạ tầng thương mại (khảo sát mạng lưới thương mại, chuyển đổi mô hình quản lý chợ...).

Điều 13. Phạm vi và mức hỗ trợ kinh phí đối với Chương trình Xúc tiến thương mại miền núi và hải đảo

1. Tổ chức phiên chợ hàng Việt từ khu vực sản xuất đến miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc và hải đảo: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

- Chi phí vận chuyển;
- Chi phí thuê mặt bằng, dàn dựng gian hàng, điện nước, an ninh, vệ sinh;
- Chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu chương trình tổ chức bán hàng và hệ thống phân phối hàng hóa;
- Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 80 triệu đồng/1 phiên. Riêng đối với phiên chợ đưa hàng Việt ra hải đảo mức hỗ trợ tối đa là 120 triệu đồng/1 phiên.

2. Chi hỗ trợ các hoạt động nâng cao năng lực cho thương nhân tại các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc và hải đảo: Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cán bộ, các chủ nhiệm hợp tác xã và thương nhân miền núi và hải đảo về công tác quản lý chợ, tổ chức mua bán tiêu thụ sản phẩm vùng biên giới, miền núi và hải đảo và tổ chức thực hiện các chính sách của Nhà nước.

3. Chi hỗ trợ tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, tiêu thụ hàng hoá, đặc biệt là nông sản cho miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc và hải đảo: Hỗ trợ 100% các chi phí:

- a) Chi phí thiết kế, xây dựng nội dung chiến lược truyền thông;
- b) Chi phí sản xuất, xuất bản và phát hành.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 50 triệu đồng/1 chuyên đề tuyên truyền.

Điều 14. Các hoạt động xúc tiến thương mại khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Các khoản chi phí do Nhà nước hỗ trợ quy định tại Quy chế này được xác định theo định mức chi do Nhà nước quy định.

Điều 15. Hạch toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ

1. Đơn vị chủ trì Đề án tổ chức hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi thuộc Đề án theo đúng quy định hiện hành.

2. Hàng năm đơn vị chủ trì Đề án có trách nhiệm tổng hợp toàn bộ chứng từ các khoản thu, chi thực tế theo quy định tại Điều 11 Quy chế này, lập báo cáo quyết toán, gửi Sở Công Thương.

Điều 16. Điều chỉnh đề án

Định kỳ 6 tháng đầu năm, căn cứ vào tình hình thực tế, tiến độ thực hiện, khả năng hoàn thành đề án hoặc theo đề nghị của các đơn vị tham gia đề án, đơn

vị chủ trì đề án xem xét, tổng hợp và báo cáo Sở Công Thương xem xét, điều chỉnh, bổ sung, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương

1. Trách nhiệm của Sở Công Thương

a) Chủ trì triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình, đảm bảo Chương trình được thực hiện theo đúng yêu cầu, mục tiêu, nội dung, tiến độ, hiệu quả và theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Không tiếp nhận Đề án trong năm tiếp theo đối với Đơn vị chủ trì vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm và các quy định tại Quy chế này.

c) Hàng năm, cùng với việc lập kế hoạch thu chi ngân sách, Sở Công Thương xây dựng dự toán kinh phí xúc tiến thương mại vào dự toán của ngành gửi Sở Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính

a) Thẩm định kinh phí xúc tiến thương mại hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh; kiểm tra quyết toán kinh phí xúc tiến thương mại hàng năm theo quy định.

b) Phối hợp với Sở Công Thương thẩm định Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh, triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các đề án thuộc Chương trình xúc tiến thương mại.

c) Hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán các khoản kinh phí xúc tiến thương mại theo quy định của pháp luật.

d) Căn cứ vào khả năng ngân sách, Sở Tài chính cân đối nguồn kinh phí xúc tiến thương mại báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

3. Các Sở, ngành liên quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố phối hợp với Sở Công Thương thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện đề án; hướng dẫn, giúp đỡ các doanh nghiệp trên địa bàn tham gia các đề án thuộc Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh.

Điều 18. Trách nhiệm của Đơn vị chủ trì

1. Tổ chức thực hiện các đề án được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, dự toán trong Hợp đồng đã ký; đảm bảo sử dụng kinh phí hỗ trợ của Nhà nước tiết kiệm, có hiệu quả, chịu trách nhiệm về nội dung chi theo đúng quy định hiện hành.

2. Đối với đề án có nhiều đơn vị tham gia, Đơn vị chủ trì có trách nhiệm phối hợp và phân công các đơn vị tham gia thực hiện từng nội dung của đề án.

3. Có trách nhiệm lựa chọn đơn vị tham gia phù hợp với tiêu chí đã cam kết trong đề án. Nội dung tham gia của doanh nghiệp phải phù hợp với sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp.

4. Cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin trung thực liên quan đến tình hình thực hiện đề án, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định tại Quy chế này; chấp hành các chế độ kiểm tra, thanh tra của các cấp có thẩm quyền về nguồn kinh phí được hỗ trợ.

Điều 19. Báo cáo việc thực hiện đề án

1. Đơn vị chủ trì đề án gửi báo cáo đánh giá kết quả thực hiện đề án theo mẫu phụ lục 3 của Quy chế này về Sở Công Thương chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc các nội dung của đề án. Đồng thời thông báo cho các đơn vị tham gia đề án biết.

2. Định kỳ 6 tháng 1 lần, các đơn vị chủ trì phải gửi báo cáo tình hình thực hiện đề án về Sở Công Thương (6 tháng đầu năm trước ngày 31 tháng 7 và cả năm trước ngày 31 tháng 12), đồng thời thông báo cho các đơn vị tham gia đề án các báo cáo liên quan.

3. Sở Công Thương theo dõi, tổng hợp việc thực hiện các đề án của chương trình xúc tiến thương mại hàng năm và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 31 tháng 01 năm sau.

Điều 20. Quy định chuyển tiếp

Quy chế này áp dụng cho các đề án, chương trình xúc tiến thương mại thực hiện từ ngày 01/01/2016.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương chủ trì phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan triển khai Quy chế này sau khi được phê duyệt.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Khánh Hòa, nếu phát sinh những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung, giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



A handwritten signature in black ink, appearing to read 'Trần Sơn Hải', is written over a horizontal line.

Trần Sơn Hải

Phụ lục 1: Mẫu Đăng ký Đề án thuộc Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Khánh Hòa năm.....

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2015/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2015 của UBND tỉnh)

**TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ
ĐỀ ÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: / , ngày ... tháng ... năm.....

**ĐĂNG KÝ
ĐỀ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI
TỈNH KHÁNH HÒA NĂM**

Kính gửi: Sở Công Thương.

PHẦN 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ

- Tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email, số tài khoản.
- Giấy tờ chứng minh việc thành lập và hoạt động phù hợp với pháp luật (số, ngày cấp, cơ quan cấp).
- Ngày bắt đầu hoạt động.
- a. Họ tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email, chức vụ, học hàm, học vị của:
 - Chủ nhiệm đề án
 - Phó Chủ nhiệm đề án (nếu có)
 - Điều phối viên chương trình
- b. Giới thiệu về chủ nhiệm đề án và các cán bộ trực tiếp thực hiện: kinh nghiệm, thời gian, chuyên môn và khả năng tổ chức quản lý thực hiện đề án.
- c. Kinh nghiệm, điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị của đơn vị chủ trì cho phép triển khai tiến hành đề án.
- d. Báo cáo về tình hình thực hiện đề án thuộc chương trình xúc tiến thương mại năm trước (nếu có).

PHẦN 2: ĐỀ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

Giới thiệu về định hướng/chiến lược phát triển thị trường về mặt hàng/ngành hàng/ thị trường. Các hoạt động/kế hoạch cụ thể của đơn vị chủ trì để thực hiện chiến lược này và đẩy mạnh phát triển ngành hàng.

Đề án: (tên đề án)

1. Sự cần thiết và mục tiêu thực hiện đề án

- a. Nêu mục tiêu của đề án, tính phù hợp của mục tiêu này với định hướng phát triển thị trường. Thực hiện đề án nhằm mục đích gì trong kế hoạch tổng thể về phát triển sản xuất, kinh doanh, mở rộng thị trường?

b. Nêu sơ bộ các hoạt động của đề án để đạt được mục tiêu hoặc phân tích tính khả thi của mục tiêu đề án.

c. Kinh nghiệm, khả năng hợp tác với các chuyên gia, đối tác uy tín trong và ngoài nước về lĩnh vực đề cập trong đề án.

2. Nội dung đề án

a. Thời gian thực hiện đề án:

b. Địa điểm:

c. Kế hoạch triển khai thực hiện và các cơ quan phối hợp:

- Các phần việc chuẩn bị tổ chức triển khai thực hiện: nêu cụ thể làm gì, ở đâu, khi nào, làm thế nào, phối hợp với ai ...; nêu rõ phần việc nào bắt buộc phải có, phần việc nào mang tính bổ sung hỗ trợ.

- Tiến độ thực hiện: thời gian bắt đầu, kết thúc của các phần việc chuẩn bị tổ chức thực hiện; thời hạn cho những phần việc chính.

- Nội dung đề án:

+ Đối với đề án thông tin thương mại, tuyên truyền xuất khẩu: nêu rõ nội dung, cách thức tổ chức thực hiện và khai thác sử dụng thông tin. Chẳng hạn như chương trình mua tin thông tin: nêu rõ mua tin của ai, kinh nghiệm và uy tín của cơ quan cung cấp thông tin, mua thông tin gì, số lượng mua, cách thức khai thác, sử dụng và cơ chế cung cấp thông tin cho doanh nghiệp;

+ Đối với đề án tổ chức hội thảo: cần nêu nội dung chủ yếu của hội thảo, số lượng doanh nghiệp tham dự;

+ Đối với đề án đào tạo: nêu rõ nội dung đào tạo, thời gian đào tạo cho từng nội dung, địa điểm đào tạo, phương thức đào tạo, dự kiến giảng viên và học viên; so sánh sự khác biệt của nội dung đào tạo với các loại hình đào tạo của các tổ chức chuyên môn về đào tạo khác (như các trường đại học, học viện...).

+ Đối với đề án thuê chuyên gia tư vấn: giới thiệu về chuyên gia (cần nêu rõ tên tuổi, chuyên gia thuộc tổ chức nào, uy tín và kinh nghiệm của chuyên gia), số lượng chuyên gia dự kiến thuê, thời gian, nội dung tư vấn, cơ chế các doanh nghiệp tham gia và hưởng lợi từ việc thuê tư vấn;

+ Đối với đề án hội chợ triển lãm: giới thiệu về hội chợ (quy mô, hình thức hội chợ là quốc tế hay khu vực, chuyên ngành hay đa ngành, dành riêng cho xuất khẩu hay nhập khẩu, thường niên hay định kỳ, kết quả tổ chức hội chợ của các năm trước của Ban tổ chức hội chợ nước sở tại...), phương thức tổ chức/tham gia trưng bày tại Hội chợ và các hoạt động liên quan khác của đơn vị chủ trì đề án (nếu có);

+ Đối với đề án khảo sát thị trường: dự kiến chương trình làm việc và các nội dung chính làm việc với các đối tác để đạt được mục tiêu đề ra.

+ Đối với đề án xúc tiến thương mại tổng hợp: nêu rõ nội dung, cách thức tổ chức và chương trình làm việc dự kiến;

+ Đối với đề án quảng bá, hỗ trợ thâm nhập thị trường nước ngoài: nêu rõ cách thức quảng bá, các nội dung thực hiện chính, thời gian cho từng nội dung, cơ chế để doanh nghiệp tham gia;

+ Đối với hoạt động xây dựng và ứng dụng qui trình kinh doanh điện tử, áp dụng các chuẩn trao đổi dữ liệu điện tử: nêu rõ các nội dung, thời gian thực hiện cho từng nội dung, cách thức tổ chức thực hiện;

d. Doanh nghiệp tham gia đề án

- Nguyên tắc lựa chọn doanh nghiệp tham gia đề án.
- Cơ chế tham gia đề án của doanh nghiệp.
- Số lượng doanh nghiệp dự kiến tham gia.
- Gửi kèm danh sách các doanh nghiệp tham gia đề án (nếu đã xác định được cụ thể doanh nghiệp): tên, địa chỉ, điện thoại, fax, người đại diện, ngành nghề kinh doanh, mặt hàng tham gia đề án.

e. Dự toán kinh phí

Dự trù kinh phí cho từng phần việc (đơn giá, số lượng, tổng số tiền), kèm theo báo giá sơ bộ (nếu có).

- Tiên độ sử dụng kinh phí.
- Phương án huy động phần đóng góp của doanh nghiệp tham gia đề án. (Nêu rõ cơ chế đóng góp của doanh nghiệp).

3. Đánh giá hiệu quả của chương trình

a. Phân tích hiệu quả của đề án, gồm cả định tính và định lượng, ngắn hạn và dài hạn phù hợp với mục tiêu đề ra của đề án.

b. Đối tượng hưởng lợi từ đề án: phân tích lợi ích trực tiếp và gián tiếp.

c. Dự kiến các kết quả.

PHẦN 3: PHÂN TÍCH RỦI RO VÀ KIẾN NGHỊ

1. Phân tích rủi ro

a. Dự báo các rủi ro có thể xảy ra làm ảnh hưởng tới hiệu quả của đề án.

b. Trong từng tình huống, nêu các giải pháp/dự phòng cần có để phòng ngừa/giảm thiểu rủi ro.

2. Kết luận và kiến nghị

Nêu các kiến nghị, đề xuất để đảm bảo thực hiện tốt đề án.

Tài liệu gửi kèm:

- Quyết định thành lập đơn vị chủ trì
- Các tài liệu liên quan đến đề án XTTM.

Chủ nhiệm đề án

(Ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục 2: Mẫu thông báo mời doanh nghiệp tham gia Đề án
thuộc Chương trình Xúc tiến thương mại tỉnh Khánh Hòa**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2015/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2015 của UBND tỉnh)

Số: /2015/QĐ-UBND

**TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ
ĐỀ ÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm....

Kính gửi:

Thực hiện Đề ánthuộc Chương trình Xúc tiến thương mại năm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định sốQĐ-UBND ngày tháng..... năm(Tên đơn vị chủ trì) sẽ tổ chức (Tên Đề án). Cụ thể sau:

1. Mục tiêu chính của Đề án:
2. Quy mô (số lượng doanh nghiệp tham gia dự kiến:
3. Thời gian thực hiện:
4. Địa điểm:
5. Ngành hàng:
6. Đối tượng tham gia:
7. Tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp tham gia:
8. Chi phí:
 - Hỗ trợ của Nhà nước cho doanh nghiệp tham gia Đề án: *(nêu cụ thể nội dung các khoản được hỗ trợ, % hỗ trợ, số tiền được hỗ trợ)*
 - Chi phí doanh nghiệp phải chịu khi tham gia Đề án: *(nêu cụ thể)*
 - Số tiền doanh nghiệp phải đặt cọc để tham gia Đề án nếu có *(nêu rõ địa chỉ chuyển tiền đặt cọc, thủ tục hoàn/khấu trừ tiền đặt cọc sau khi kết thúc Đề án)*
 - Phương thức thanh quyết toán của đơn vị chủ trì Đề án với doanh nghiệp tham gia.
9. Các nghĩa vụ của doanh nghiệp khi tham gia Đề án:
10. Yêu cầu về Hồ sơ đăng ký tham gia Đề án:.....
11. Thời gian đăng ký tham gia:.....

Các đơn vị quan tâm đề nghị gửi hồ sơ về:

Tên đơn vị:..... Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Email: Người liên hệ:

Trân trọng./.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ
(ký và ghi rõ họ tên)

Tài liệu gửi kèm:

- Thông tin giới thiệu về thị trường, ngành hàng, hoạt động xúc tiến thương mại mà Đơn vị chủ trì sẽ tổ chức hoặc tổ chức tham gia.
- Chương trình dự kiến
- Mẫu hồ sơ đăng ký tham gia

**Phụ lục 3: Mẫu báo cáo kết quả thực hiện Đề án thuộc
Chương trình Xúc tiến thương mại tỉnh Khánh Hòa**
(Ban hành kèm theo Quyết định số/2015/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2015 của UBND tỉnh)

**TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ
ĐỀ ÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm...

Kính gửi: Sở Công Thương.

Thực hiện Đề ánthuộc Chương trình xúc tiến thương mại năm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định sốQĐ-UBND ngày tháng..... năm(Tên đơn vị chủ trì) báo cáo kết quả thực hiện như sau:

1. Mục tiêu chính của Đề án:
2. Thời gian thực hiện:
3. Địa điểm:
4. Đối tượng tham gia:
5. Quy mô:

Số lượng doanh nghiệp tham gia, hưởng lợi từ Đề án:	
<i>Trong đó phân loại theo loại hình doanh nghiệp</i>	<i>Số lượng</i>
Công ty TNHH	
Doanh nghiệp tư nhân	
Hợp tác xã	
Chi nhánh, đại lý của doanh nghiệp tỉnh ngoài	
Tổ hợp tác, hộ kinh doanh	
Tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài	

6. Kinh phí thực tế đã thực hiện:
7. Kết quả thực hiện từng mục tiêu đã đề ra:
8. Kết quả giao dịch (nếu có)
Số lượng khách giao dịch.....
Số lượng khách hàng nhập khẩu tiềm năng:.....
Quốc tịch:.....
Hợp đồng/Thỏa thuận đã ký kết:

Mặt hàng	Khách hàng (quốc tịch)	Số lượng	Trị giá

9. Đánh giá về mặt hàng/thị trường/khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp của tỉnh, của Việt Nam so doanh nghiệp tỉnh ngoài, nước ngoài.....

10. Phân tích, đánh giá hiệu quả, tác động của Đề án đối với các ngành hàng nói chung cũng như doanh nghiệp tham gia và đơn vị chủ trì nói riêng.

11. Đánh giá của doanh nghiệp tham gia (*tổng hợp dựa trên báo cáo phản hồi của doanh nghiệp tham gia Đề án*):

Đánh giá	Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	kém
1. Nội dung Đề án	%	%	%	%	%
2. Công tác tổ chức thực hiện	%	%	%	%	%
3. Hiệu quả tham gia Đề án	%	%	%	%	%

12. Đề xuất, kiến nghị:.....

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ
(ký và ghi rõ họ tên)

Tài liệu gửi kèm:

Danh sách doanh nghiệp
tham gia Đề án (theo mẫu)

**Mẫu danh sách doanh nghiệp tham gia Đề án thuộc
Chương trình Xúc tiến thương mại tỉnh Khánh Hòa
(kèm theo phụ lục 3)**

TT	Tên doanh nghiệp tham gia	Địa chỉ	Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH, DNTN, Chi nhánh, đại lý của doanh nghiệp tỉnh ngoài, Hợp tác xã, Tổ hợp tác, Hộ sản xuất	Nhóm hàng kinh doanh chính	Người liên hệ	Chức vụ	Tel	Fax	Email và Website